TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-ST
Ngày: 30/11/2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Ông Dương Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2022/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* :

- Ông Phạm Minh T – sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Bãi Nam, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh - sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ 10, khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 15/6/2022). Có mặt

2. *Bị đơn*:

- Ông Lê Thành S – sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 5, ấp Bãi Nam, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 23/6/2019, ông Lê Thành S có vay của ông Phạm Minh T số tiền

35.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Đến ngày 23/9/2019 ông S có đóng lãi cho ông T được 01 lần là 3.500.000 đồng, sau đó thì ông S ngưng trả lãi cho đến nay. Ngày 21/7/2020, trong buổi hòa giải tại ấp Bãi Nam ông S thừa nhận có nợ ông T số tiền vay 35.000.000 đồng và hứa trả nợ cho ông T nhưng ông S không thực hiện nên ông T mới khởi kiện. Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, ông T yêu cầu ông S phải trả số tiền vay là 35.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi 1%/tháng từ ngày 23/12/2019 đến ngày 23/3/2021 là 15 tháng x 35.000.000 đồng x 1%/tháng = 5.250.000 đồng. Vì vậy tổng số tiền gốc và lãi ông T yêu cầu ông S phải trả là 35.000.000 đồng + 5.250.000 đồng = 40.250.000 đồng. Sau đó ông T có đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/6/2022, yêu cầu ông S phải trả số tiền mua bia còn nợ là 6.960.000 đồng. Như vậy tổng số tiền ông T yêu cầu ông S phải trả là 40.250.000 đồng + 6.960.000 đồng = 47.210.000 đồng và yêu cầu ông S phải trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày ông T gửi đơn khởi kiện.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, người đại theo ủy quyền của nguyên xin rút yêu cầu đối với số tiền 6.960.000 đồng, chỉ yêu cầu ông S phải trả cho ông T số tiền vay là 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/12/2019 cho đến khi ông S trả hết nợ vay.

- Ông Lê Thành S trình bày:

Ông S thừa nhận ngày 23/6/2019 có vay của ông Phạm Minh T số tiền 35.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng tức là 3.500.000 đồng, khi vay thì 02 bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không có làm giấy tờ gì. Sau khi vay thì ông S có đóng lãi cho ông T được 11 tháng x 3.500.000 đồng = 38.500.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay.

Ông T yêu cầu ông S trả số tiền 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, thì ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì ông yêu cầu Tòa án xem xét số tiền lãi ông đã đóng cho ông T trước đó là 38.500.000 đồng, để cấn trừ vào số tiền lãi mà ông T yêu cầu ông trả. Nếu cấn trừ không đủ thì ông đồng ý trả thêm nếu thừa thì ông yêu cầu cấn trừ vào số tiền gốc 35.000.000 đồng. Về phương thức trả nợ thì ông chỉ đồng ý trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Về số tiền nguyên đơn rút đối với yêu cầu trả tiền bia thì ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ông S không yêu cầu tính đối với số tiền lãi 38.500.000 đồng đã trả cho ông T do không có giấy tờ chứng minh, ông chỉ yêu cầu cấn trừ số tiền lãi 3.500.000 đồng mà ông T thừa nhận có nhận của ông. Đồng thời ông xin trả ông T mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 35.000.000 đồng, xin ông T bỏ phần lãi suất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S phải trả số tiền vay cả gốc và lãi cho ông T theo quy định. Đình chỉ đối với số tiền bia mà ông T xin rút. Ông S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Lê Thành S có nơi cư trú tại Tổ 5, ấp Bãi Nam, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Minh T vắng mặt nhưng có người đại diện là bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh có mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành S trả số tiền vay 35.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/12/2019. Xét thấy yêu cầu của ông T là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ ông S thừa nhận có vay số tiền này, có thỏa thuận lãi là 10%/tháng và cho rằng đã trả được số tiền lãi 38.5000.000 đồng nên yêu cầu Tòa án xem xét tính lại và cấn trừ vào số tiền gốc, lãi đã vay. Tuy nhiên ông T chỉ thừa nhận có nhận của ông S số tiền lãi là 3.500.000 đồng, Tòa án cũng đã có quyết định yêu cầu ông S cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc ông đã trả cho ông T số tiền lãi 38.500.000 đồng nhưng ông S không chứng minh được nên yêu cầu xem xét của ông S là không có cơ sở. Từ đó Hội đồng xét xử quyết định buộc ông S phải trả cho ông T số tiền cả gốc và lãi cụ thể, do ông T vay của ông S từ ngày 23/6/2019, tuy nhiên ông T chỉ yêu cầu ông S trả lãi từ ngày 23/12/2019 đến nay là phù hợp, số tiền lãi các bên thỏa thuận là 10%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần tính lại cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tính từ ngày 23/12/2019 đến ngày xét xử 30/11/2022 là 35 tháng 07 ngày, lãi suất là 20%/năm tương ứng 1,66%/tháng x 35.000.000 đồng x 35 tháng 07 ngày = 20.468.000 đồng. Do ông S đã trả cho ông T số tiền lãi 3.500.000 đồng nên số tiền lãi còn lại ông S phải trả cho ông T là 20.468.000 đồng – 3.500.000 đồng = 16.968.000 đồng. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi ông S phải trả cho ông T là 16.968.000 đồng + 35.000.000 đồng = 51.968.000 đồng.

[4] Ông T xin rút lại không yêu cầu ông S phải trả số tiền 6.960.000 đồng nên xét đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông S bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Thành S phải trả cho ông Phạm Minh T số tiền là 51.968.000 đồng, trong đó tiền gốc là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 16.968.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông S phải trả số tiền 6.960.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lê Thành S phải chịu số tiền án phí là 2.598.400 đồng.

- Trả lại cho Phạm Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.180.000 theo biên lai thu tiền số 0009073 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Ông T, ông S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho